CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 30/09/2024	3,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.6%	**-**	**5.7%**

DT thuần
Q3/24
59.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.10| -9.4%
YoY: ▲ 43.8| 279%

LN thuần
Q3/24
-13.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.90| -16.1%
YoY: ▲ 8.10| 36.7%

LN sau thuế
Q3/24
-15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.50| -3.2%
YoY: ▲ 8.50| 36.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
-12.9%
YoY: +/-▼ 3.7%

ROE (TTM)
Q3/24
-22.8%
YoY: +/-▲ 1.5%

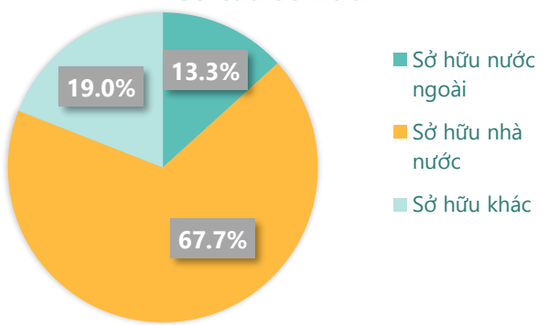
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,100 - 4,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	128
Số lượng CPLH (CP)	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,640
Sở hữu nước ngoài	13.3%
Beta	1.25
EPS	-1,589
P/E	-2.3

DT thuần
9T 2024
150
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 101| 204%

LN thuần
9T 2024
-38.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.5| 23.2%

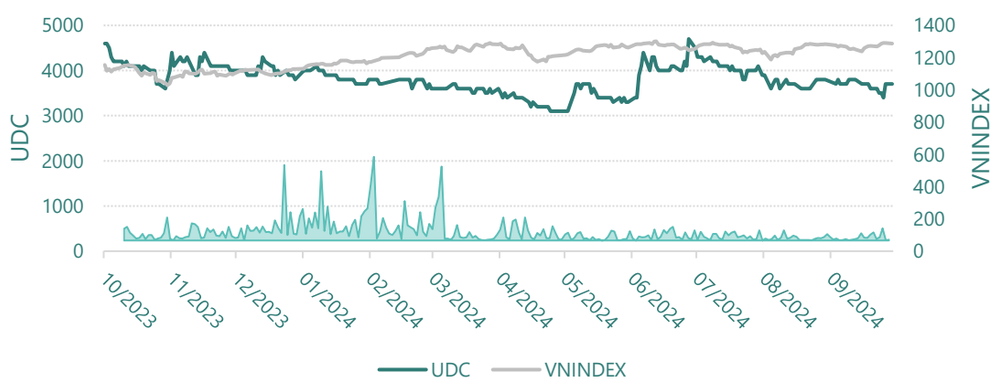
LN sau thuế
9T 2024
-44.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.30| 15.8%

Cơ cấu sở hữu

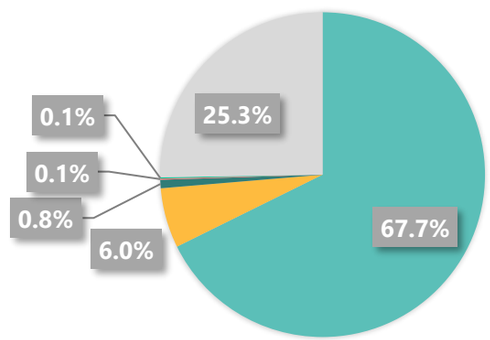


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



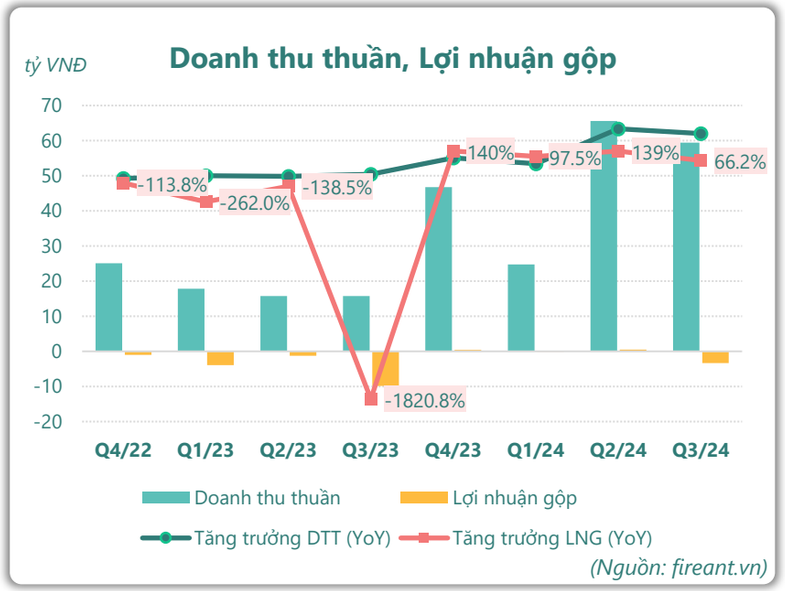
Cơ cấu cổ đông



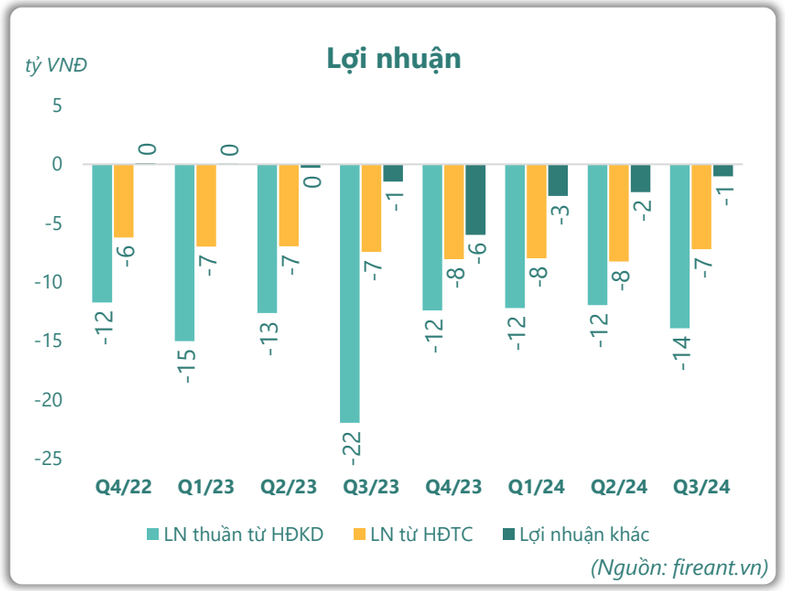
UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
NH Investment & Securities Co., Ltd
CTCP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Trần Thái Hòa (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Thế Thường
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

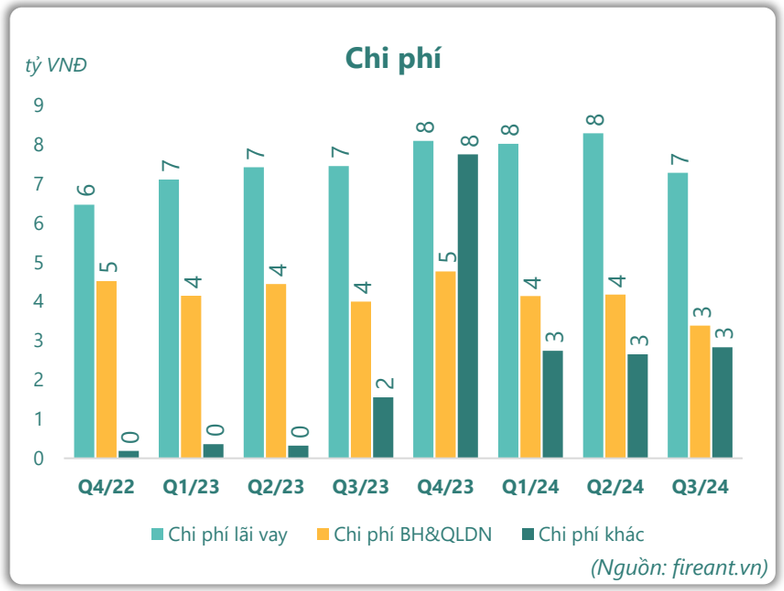
KẾT QUẢ KINH DOANH



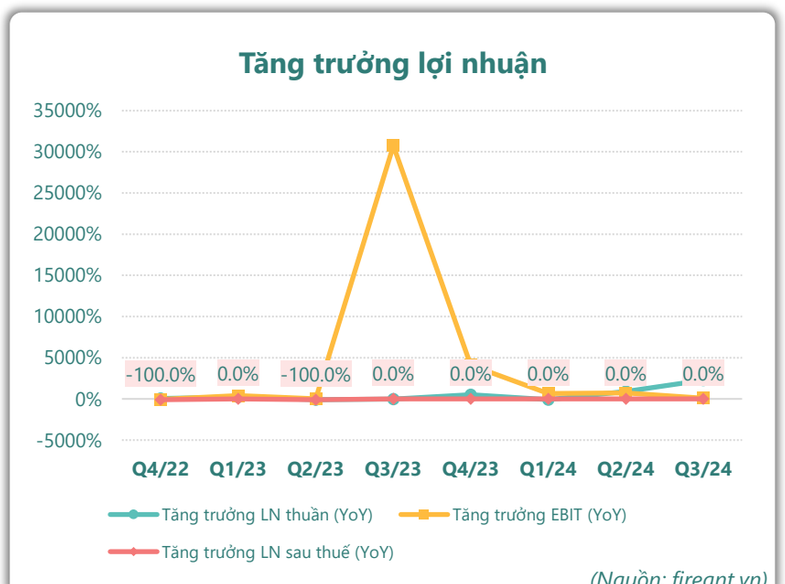
(Nguồn: fireant.vn)



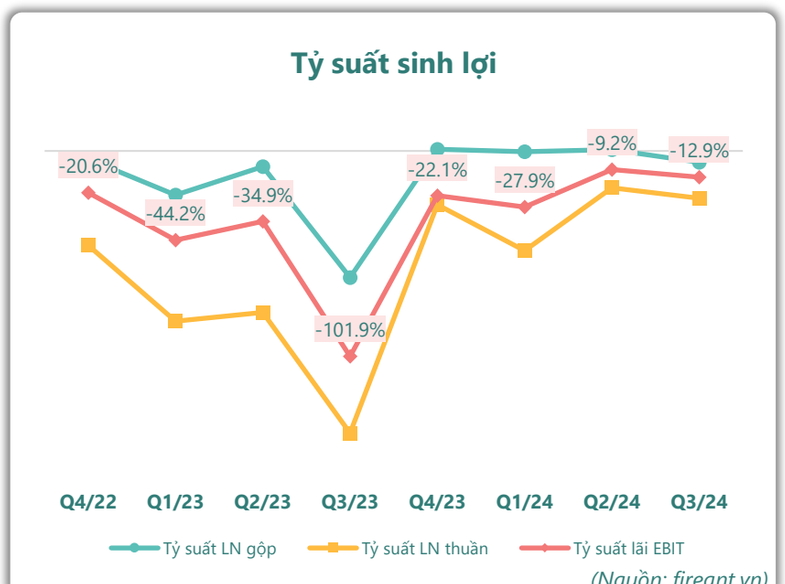
(Nguồn: fireant.vn)



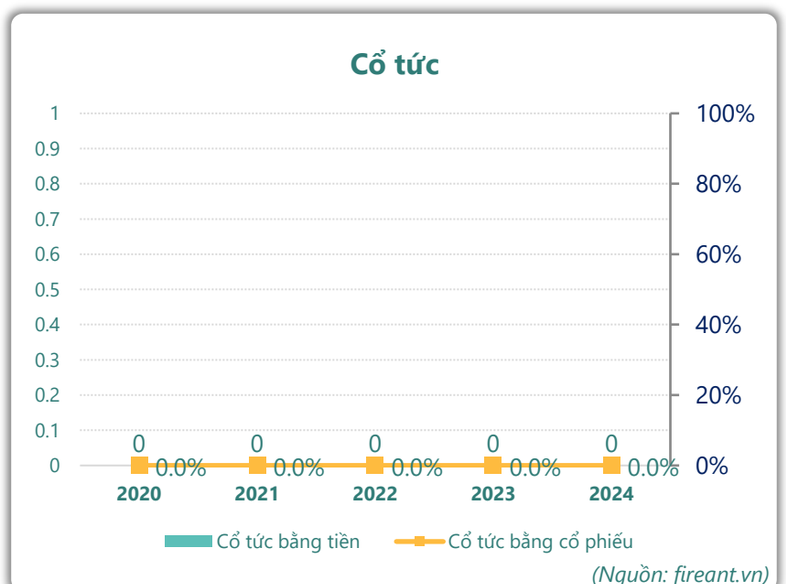
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



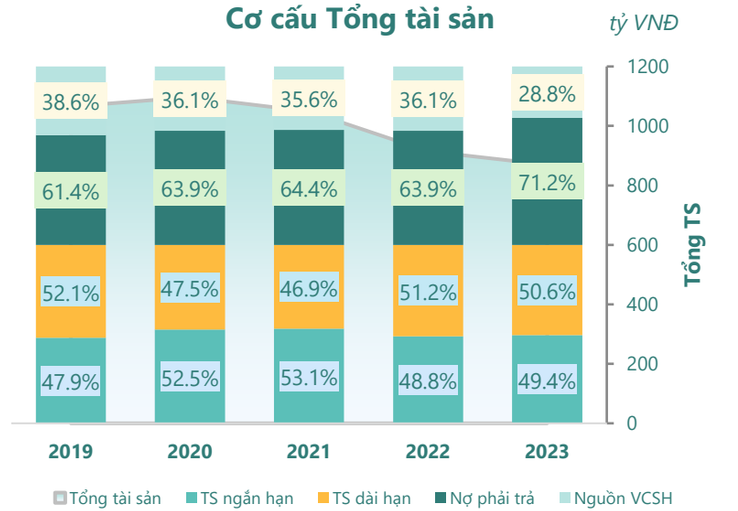
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

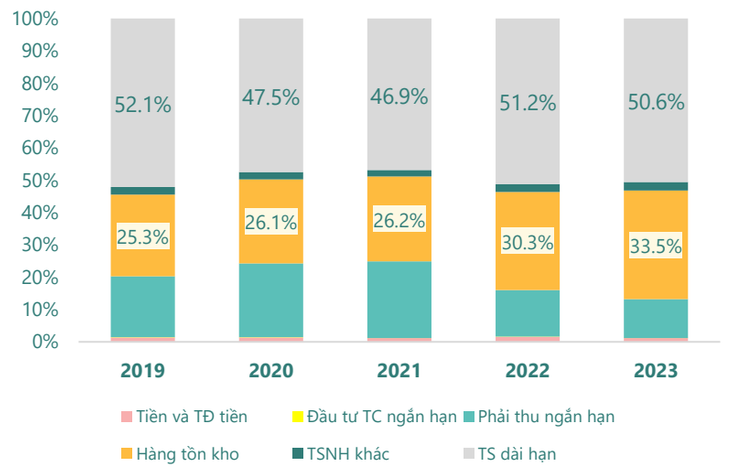
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



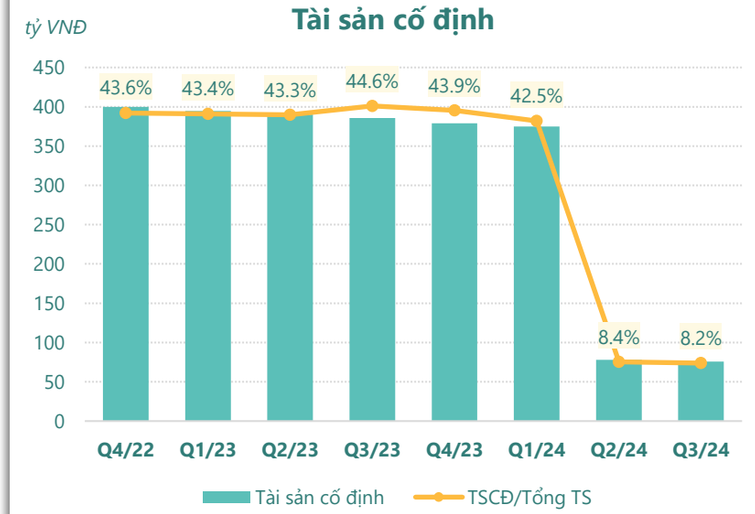
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



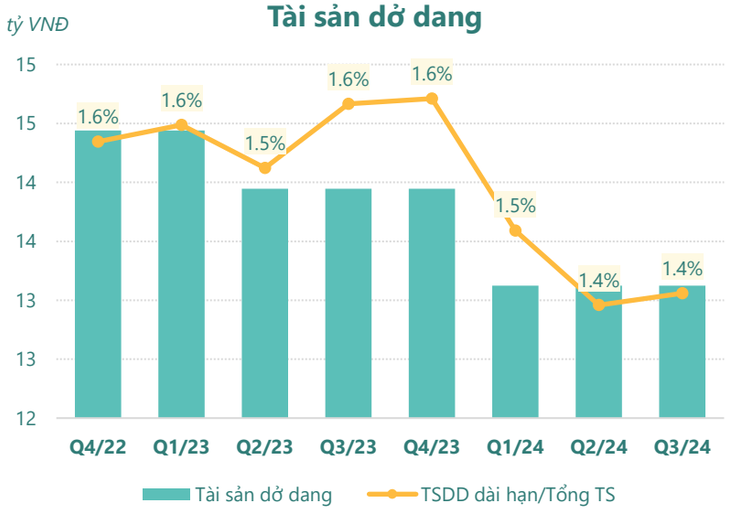
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



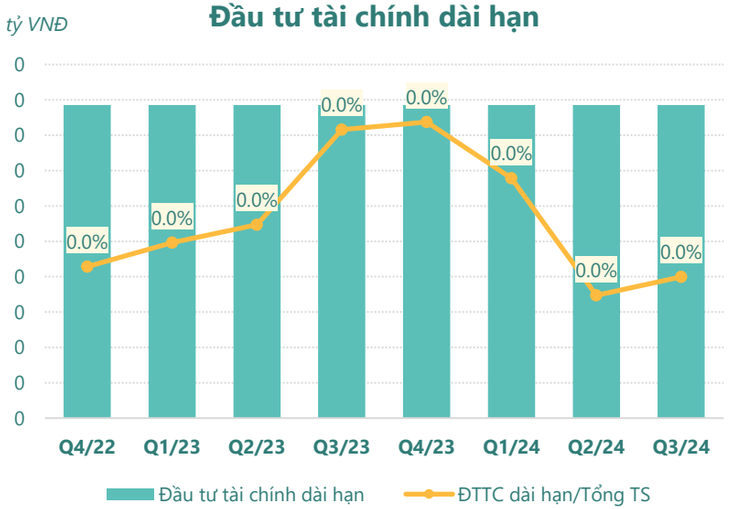
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



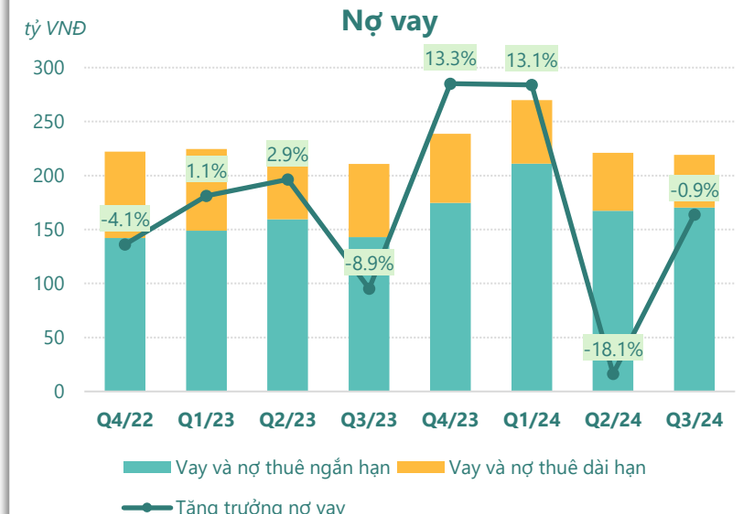
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

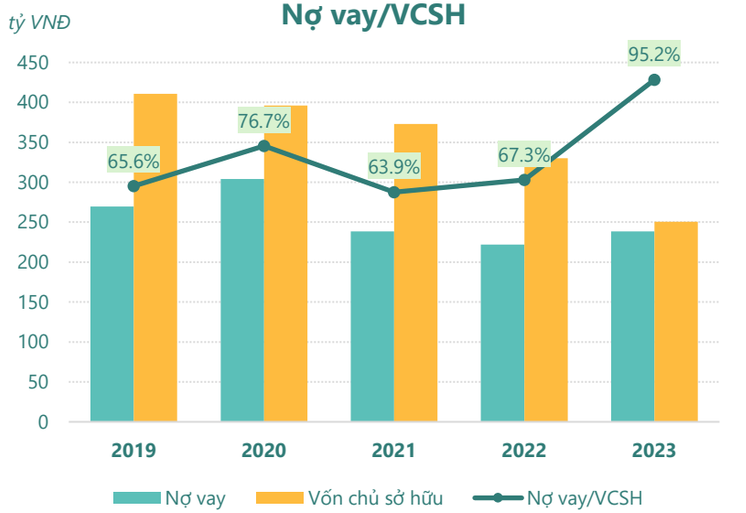
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



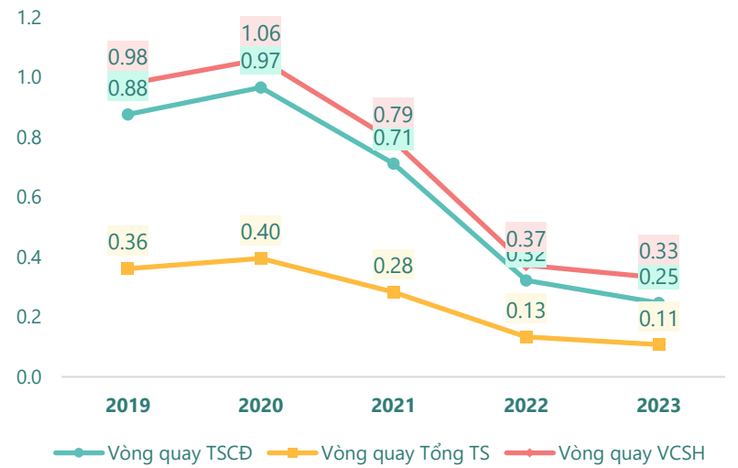
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



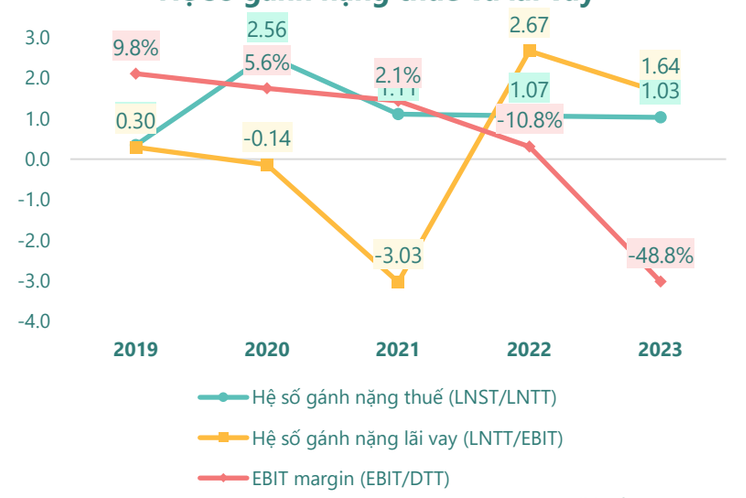
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



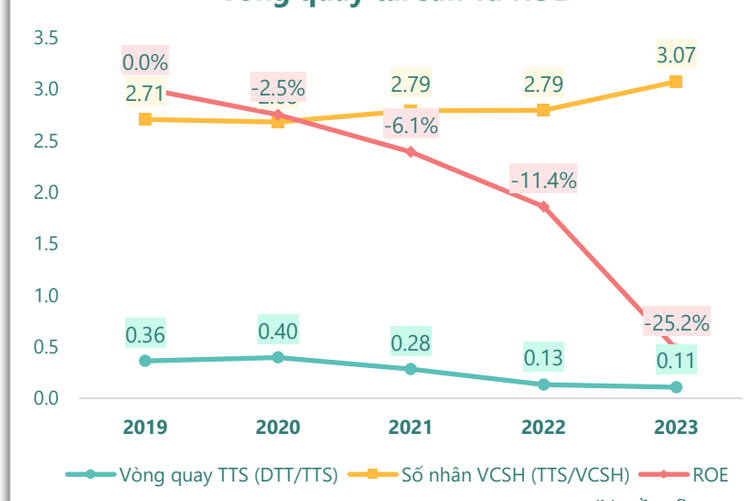
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



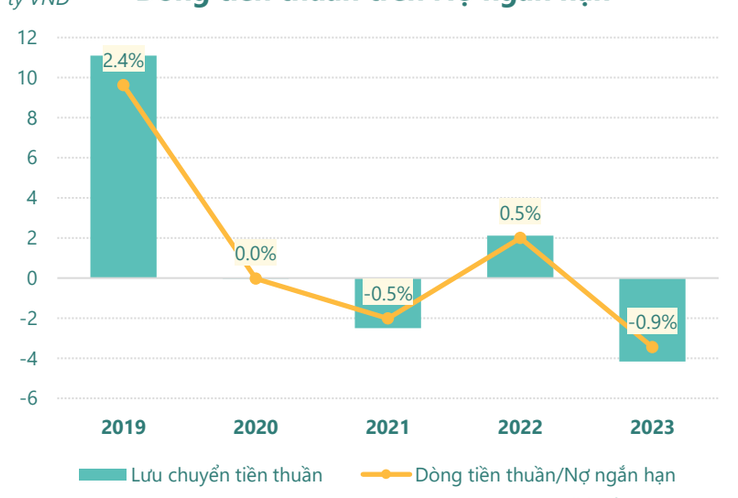
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**59.5**	**15.7**	**279%**	**150**	**49.3**	**204%**
Giá vốn hàng bán	62.8	25.6	145%	153	64.3	138%
Lợi nhuận gộp	-3.33	-9.85	66.1%	-2.96	-15.0	80.2%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.76	-91.0%	0.11	1.34	-91.8%
Chi phí TC	7.28	8.21	-11.3%	23.6	22.7	3.7%
Chi phí lãi vay	7.28	7.46	-2.4%	23.6	22.0	7.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.13	0.70	-81.0%	1.18	1.95	-39.2%
Chi phí QLDN	**3.25**	**3.30**	**-1.4%**	**10.5**	**10.6**	**-1.2%**
LN thuần từ HĐKD	-13.9	-22.0	36.7%	-38.1	-49.6	23.2%
Lợi nhuận khác	**-1.03**	**-1.48**	**30.5%**	**-6.08**	**-1.74**	**-250%**
LN trước thuế	-15.0	-23.5	36.3%	-44.2	-51.4	14.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.0**	**-23.5**	**36.3%**	**-44.4**	**-52.7**	**15.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.1**	**-21.4**	**39.0%**	**-38.6**	**-50.5**	**23.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.85	-4.09	-32.0	-19.9	72.9	-3.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.28	0.54	0.99	0.97	-5.80	-7.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.53	-23.7	27.7	30.8	-48.3	6.98
Tiền đầu kỳ	39.5	40.7	13.5	10.2	22.1	40.8
Lưu chuyển tiền thuần	**0.95**	**-27.2**	**-3.28**	**11.9**	**18.7**	**-4.50**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	40.7	13.5	10.2	22.1	40.8	36.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**922**	**870**	**6.0%**
Tài sản ngắn hạn	502	430	16.7%
Tiền và tương đương tiền	36.3	10.2	257%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.96	0.40	1390%
Phải thu ngắn hạn	133	104	27.4%
Hàng tồn kho	310	292	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	16.0	23.2	-31.1%
Tài sản dài hạn	**420**	**440**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	7.72	7.72	0.0%
Tài sản cố định	75.6	379	-80.1%
Bất động sản đầu tư	322	36.1	793%
Tài sản dở dang	13.1	12.2	7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.74**	**4.67**	**-62.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	716	619	15.6%
Nợ ngắn hạn	**598**	**483**	**23.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	175	-2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	85.2	88.5	-3.8%
Nợ dài hạn	118	136	-13.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.8	63.8	-23.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**206**	**251**	**-17.7%**
Vốn chủ sở hữu	**206**	**251**	**-17.7%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)